

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày : 06-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Thái và ông Niê Y Ling (Ma Bin).

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạ – Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lương Như Hoàn – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm **trực tuyến** công khai tại điểm cầu trung tâm TAND huyện Sông Hình và điểm cầu thành phần nhà tạm giữ Công an huyện S vụ án hình sự thụ lý số 04/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024 của TAND huyện Sông Hình đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T (tên thường gọi: Tú H), sinh ngày 25-5-1986; tại Phú Yên; nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; con ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1960 (chết) và bà Đặng Thị M, sinh năm 1962; vợ Nguyễn Thị Trà L, sinh năm 1990 (đã ly hôn theo bản án số 06/2023/HNGĐ-ST, ngày 04-5-2023 của TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên); có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án: Không.

Tiền sự:

- Ngày 14-9-2021, bị Công an xã Đ, huyện S xử phạt vi phạm hành chính 750.000^d (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Nộp phạt ngày 24-10-2023.

Nhân thân:

1- Quyết định số 766/QĐ-CT, ngày 06-5-2005, bị UBND tỉnh P áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 24 (hai mươi bốn) tháng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” và “Cố ý gây thương tích”. Đã chấp hành xong.

2- Ngày 09-9-2013, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000^d (hai triệu đồng) về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Chấp hành xong ngày 25-9-2013.

3- Bản án số 70/2014/HS-PT ngày 19-6-2014, bị TAND tỉnh Phú Yên áp dụng khoản 1 Điều 143 BLHS năm 1999. Xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Chấp hành xong ngày 14-01-2015.

4- Ngày 22-6-2015, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000^d (hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong ngày 25-11-2015.

5- Ngày 13-7-2015, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000^d (hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong ngày 25-11-2015.

6- Ngày 15-02-2017, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000^d (hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong ngày 25-8-2017.

7- Ngày 08-02-2018, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000^d (ba triệu đồng) về hành vi “Cản trở hoạt động của Công ty T6”. Chấp hành xong ngày 08-02-2018.

8- Ngày 08-5-2018, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000^d (hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong ngày 09-5-2018.

9- Ngày 31-7-2018, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000^d (một triệu đồng) về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong ngày 31-7-2018.

10- Bản án số 17/2019/HS-PT ngày 22-4-2019, bị TAND tỉnh Phú Yên áp dụng khoản 1 Điều 330 BLHS năm 1999. Xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Chấp hành xong ngày 15-8-2020.

Bị cáo tại ngoại, nhưng bị bắt tạm giam trong một vụ án khác.

Bị cáo tham gia tố tụng tại phiên tòa tại điểm cầu thành phần nhà tạm giữ Công an huyện S xét xử trực tuyến. Có mặt.

* *Bị hại:* Chị **Nguyễn Thị Trà N**, sinh ngày 16-4-1988, nơi cư trú: Khu phố U, Phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, chị vợ bị cáo, nghề nghiệp: Giáo viên Trường Tiểu học L1, Phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người định giá tài sản:* Bà Huỳnh Thị Thu T1 - Chủ tịch Hội đồng và ông Nguyễn Văn K - chuyên viên, thành viên Hội đồng là những người đại diện Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

Tuy nhiên, tại thời điểm định giá tài sản thì ông Lê Văn T2 - Chuyên viên Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện S, nguyên là Chủ tịch Hội đồng định giá tài

sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện S trong vụ án. Ông T2 và bà T1, vắng mặt. Ủy quyền ông Nguyễn Văn K - Chuyên viên Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện S, thành viên Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện S. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh **Trương Anh N1**, sinh ngày 11-10-1983, nơi cư trú: Khu phố U, Phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, chồng bị hại Ni, nghề nghiệp: Giáo viên. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh **Phạm Ngọc A**, sinh ngày 09-12-1992, nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên, nghề nghiệp: Lái xe cầu. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Bà **Nguyễn Thị Tuyết N2**, sinh ngày 28-10-1963, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên, mẹ vợ bị cáo, nghề nghiệp: Làm nông. Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn T3**, sinh ngày 20-02-1963, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên, cha vợ bị cáo, nghề nghiệp: Làm nông. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị Trà L**, sinh ngày 07-11-1990, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên, vợ bị cáo, nghề nghiệp: Buôn bán. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị Kim H1**, sinh ngày 20-4-1975, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên, nghề nghiệp: Buôn bán. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông **Phan Phước Đ**, sinh năm 1973, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên, nghề nghiệp: Làm nông. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn với gia đình chị N anh N1 trong việc tiền nợ trước đó. Khoảng 20h30 ngày 30-4-2023, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 49A-494.70 chở con đến nhà bà N2 tại thôn T, xã Đ, huyện S để gọi con nhờ chăm sóc thì gặp chị N. Tại đây, T đòi chị N trả nợ nhưng chị N nói đã trả rồi, T gọi điện thoại cho anh A thuê xe cầu đến nhà bà N2, mục đích để cầu xe ô tô biển số 78A-016.40 của chị N để xiết nợ, trong lúc chờ xe cầu, T dùng một đoạn cây gỗ vuông kích thước (02 x 02) cm, dài 78 cm, đập phá làm vỡ hoàn toàn 04 kính chắn gió cánh cửa xe, 02 dè che mưa phía trên kính cửa trước bên phải và kính cửa sau bên trái, 01 kính chắn gió phía sau xe ô tô biển số 78A-016.40, anh A biết được chiếc xe trên có mâu thuẫn nên điều khiển xe cầu bỏ đi.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 19-5-2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện S kết luận: 04 (bốn) kính chắn gió cánh cửa, 02 dè che mưa phía trên kính cửa trước bên phải và kính cửa sau bên trái, 01 kính chắn gió phía sau xe ô tô biển kiểm soát 78A-016.40, trị giá 6.090.000^d (sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS-SH ngày 22-01-2024 của VKSND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 BLHS.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 BLHS. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 178 BLHS, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đề nghị xử phạt Nguyễn Ngọc T 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

* Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 585 và 589 Bộ luật dân sự (BLDS): Đã bồi thường xong và hoàn trả lại cho bị cáo 2.610.000^d tiền bị cáo bồi thường còn thừa.

* *Về vật chứng vụ án:* Đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS): Tuyên tiêu hủy 01 (một) khúc gỗ kích thước (02 x 02) cm, dài 78 cm, một đầu gãy nham nhở dài 49,6 cm, vì là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

*** Ý kiến của bị cáo:**

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã có đơn yêu cầu định giá lại tài sản đã bị hư hỏng trong vụ án nhưng không được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận. Theo bị cáo, thiệt hại thực tế của xe ô tô biển số 78A-016.40 hiệu Chovrolet Spart, đời 2009 bị bể 04 kính chắn gió cửa hai bên và 01 kính chắn gió sau vào năm 2023, xe đã sử dụng 15 năm và chi tiết khấu hao, khấu trừ mà theo bị cáo thì 04 kính chắn gió cửa hai bên của xe dao động từ 150.000^d đến 350.000^d và kính chắn gió sau dao động từ 350.000^d đến 700.000^d. Do vậy, tổng thiệt hại khoảng hơn 2.000.000^d. Hội đồng định giá thiệt hại như vậy là quá cao. Số tiền bị cáo đã bồi thường dùm cho S và T4 8.700.000^d, đã đưa cho chị N anh N1, nhưng nếu theo kết quả định giá thiệt hại để điều tra, truy tố, xét xử là 6.090.000^d. Số tiền còn lại là 2.610.000^d bị cáo yêu cầu được nhận lại.

*** Ý kiến của người bị hại trình bày:**

Chị Nguyễn Thị Trà N, vắng mặt, theo các biên bản ghi lời khai và bản tự khai (bút lục (BL) 22-23; 34-35) trình bày: Chiều ngày 29-4-2023, từ Khu phố U, Phường H chị N chở con về ngoại chơi lễ (nhà ông T3 bà N2) tại thôn T, xã Đ. Đến khoảng 16h30 ngày 30-4-2023, chị N chuẩn bị đi về nhà thì T chạy xe ô tô đến chắn ngay đầu xe chị N ngăn cản không cho rời đi, lúc này T đã có hơi men, T vào nhà chửi bới và đòi đánh chị N, thấy bất ổn nên chị N để xe lại, lên xe taxi về Đ. Đến khoảng 20h45 cùng ngày, chị N nhận điện thoại nghe báo, T dùng dây cột xe chị N kéo đi nhưng không được nên T đã đập nát hết các cánh cửa xe và đã kéo xe ra ngoài đường chuẩn bị cầu xe đi, tài xế xe cầu đã đứng chuẩn bị sẵn nhưng không cầu đi được vì người nhà chị N ngăn cản. Nghe tin xe bị đập phá xe, nên khoảng 23h cùng ngày chị N quay lại nhà bà N2 thì lúc đó công an xã đã đến làm việc, T bỏ đi, về việc nợ tiền vợ chồng chị N đã trả xong vào đầu năm 2020

(cụ thể, trả 17.000.000^d bằng tiền mặt và 83.000.000^d chuyển khoản cho L (vợ T). Đến hôm nay, chị N đã nhận đủ tiền bồi thường, đã có đơn xin bãi nại và đề nghị Tòa giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Anh Trương A1 Nhựt vắng mặt, nhưng theo các biên bản ghi lời khai và bản tự khai (BL 24 đến 31) trình bày: Chị N là vợ anh N1, T là cột chèo, xe ô tô 78A-016.40 vợ chồng mua lại của vợ chồng cậu ruột anh N1, T đã đập phá vỡ 4 cửa kính hai bên, 2 dè che mưa phía trên kính cửa trước bên phải và kính mặt sau của xe. Sau khi anh N1 có đơn trình báo Công an xã Đ thì T đã bồi thường 8.700.000^d, nhưng nếu theo kết quả định giá thiệt hại là 6.090.000^d, còn lại là 2.610.000^d, bị cáo có yêu cầu được nhận lại thì chị N anh N1 sẽ trả lại.

2- Anh Phạm Ngọc A, vắng mặt, nhưng theo các biên bản ghi lời khai và bản tự khai (BL 19-21) trình bày: Khoảng 19h30 ngày 30-4-2023, anh A nhận điện thoại từ thuê bao số điện thoại 0776664888 gọi anh A là đến ngã ba cầu đường cầu xe do bị tai nạn rơi xuống ruộng. Khoảng 20h30 cùng ngày anh A đến ngã ba cầu đường thì được một người bảo dừng lại và bảo cầu xe đang nằm trong nhà người dân anh A không cầu, lúc đó xe còn nguyên vẹn, chưa được di chuyển sang vị trí khác, anh A thấy chủ nhà và ông đó cãi nhau, ông đó cầm cây đập bẻ kính xe, lúc đó xe ô tô con di chuyển ra mép đường và kính xe bị vỡ. Do vậy anh A không cầu xe, người gọi xe là người có râu quai nón, đội mũ cối màu xanh.

** Ý kiến của những người làm chứng:*

1- Bà Nguyễn Thị Tuyết N2, vắng mặt, nhưng theo các biên bản ghi lời khai và bản tự khai (BL 17-18) trình bày: Chiều ngày 29-4-2023, chị N con gái bà N2 từ Khu phố U, Phường H chở con về ngoại chơi lễ (nhà ông T3 bà N2) tại thôn T, xã Đ. Khoảng 20h15 ngày 30-4-2023, T lấy ổ khóa của gia đình treo ở cửa sắt khóa cửa từ bên ngoài không cho các thành viên trong nhà ra bên ngoài. Sau đó, T dùng vật cứng (không rõ vật gì) đập các kính của 4 cửa xe và kính sau của xe ô tô 78A-016.40. Bà N2 khuyên nhủ và can ngăn nhưng không được, sau đó T đi ra xe ô tô của T lấy hai thanh kim loại giống rựa, dao có cán dài quay lại chửi bà N2, bà N2 bỏ chạy vào trong nhà, trong lúc T đập kính xe thì có một xe cầu do T gọi đến để cầu xe nhưng chưa cầu được, việc đập kính xe có chị L chứng kiến.

2- Ông Nguyễn T3, vắng mặt, nhưng theo các biên bản ghi lời khai và bản tự khai (BL 32-33) trình bày: Con gái ông T3 là chị N và hai cháu Trương Hoàng Y và Trương Hoàng O từ Khu phố U, Phường H về nhà ông T3, thôn T, xã Đ chơi lễ 30-4. Khoảng 16h30 ngày 30-4-2023, chuẩn bị đi về thì T đi xe ô tô cá nhân đến đậu chắn ngang cửa và chặn xe ô tô của chị N không cho đi về. Lúc đó, ông T3 thấy hai bên nói chuyện qua lại về việc chị N nợ tiền 100.000.000^d nhưng số tiền này chị N đã trả đủ. Đến khoảng 20h15, T lấy khóa, khóa cửa gia đình nhằm không cho người gia đình ra ngoài và nói tối rồi đi vào nhà ngủ đi. Lúc này, chị N và hai con đã đón xe taxi đi về nhà ở thị xã Đ. Ông T3 đã đi xuống nhà dưới nghỉ. Một lúc sau thì ông T3 vẫn nghe cãi nhau lớn tiếng nên lên nhà thì thấy xe ô tô 78A-016.40 của con gái đã bị đập vỡ các kính của 4 cửa xe và kính sau của

xe, một lúc sau thì công an đến làm việc. Ông T3 không trực tiếp chứng kiến T đập xe, chỉ có bà N2, chị L chứng kiến.

3- Chị Nguyễn Thị Trà L, vắng mặt, nhưng theo các biên bản ghi lời khai và bản tự khai (BL 44-45) trình bày: Chị L và T là vợ chồng nhưng thời điểm 01-5-2023 đã có đơn ra tòa xin ly hôn nhưng chưa có quyết định của Tòa án. Khoảng 20h ngày 30-4-2023, T đến nhà cha mẹ chị L (ông T3 bà N2) chửi mắng chị N là chị của chị L và sau đó dùng cây và dao đập xe ô tô 78A-016.40 của chị N vỡ 4 kính cửa hai bên hông và kính sau của xe. Thời gian T chửi thì chị L ở trong nhà, nhưng khi đập xe thì chị L nhìn thấy T mặc áo thun đen, quần đen, giày đen trên tay cầm một con dao nhọn dài khoảng 40 cm và một khúc cây dài khoảng 01 m để đập xe. Từ lúc nộp đơn ly hôn (tháng 12/2022) cho đến 01-5-2023 T thường xuyên uống rượu, bia vào là kiếm chuyện để chửi cha mẹ chị L. Nguyên nhân đập xe thì chị L không biết.

4- Bà Nguyễn Thị Kim H1, vắng mặt, nhưng theo các biên bản ghi lời khai và bản tự khai (BL 48-49) trình bày: Ngày 30-4-2023, chị H1 bán quán bún phở (gọi là quán Cô B), từ khoảng chiều tối ngày 30-4-2023, không nhớ rõ giờ, có một thanh niên thường gọi là Tú H vào quán chị H1. Thanh niên đó có cầm theo một lon bia ngồi uống, được một lúc sau thì có thêm ông M1 công an xã Đ đến ngồi chung với Tú H. Sau khi ông M1 đi về thì chị H1 đi ra sau nhà làm, vì quán không có khách. Sau đó được biết xe ô tô nhà đối diện nhà chị H1 là nhà cha mẹ vợ Tú H bị đập phá, chị H1 lo làm không thấy ai đập phá xe ô tô đậu ở nhà cha mẹ vợ Tú H.

5- Anh Phan Phước Đ, vắng mặt, nhưng theo các biên bản ghi lời khai và bản tự khai (BL46-47) trình bày: Khoảng 19h ngày 30-4-2023 anh Đ đi làm rẫy về đến nhà tại quán Cô Ba thôn T, khi đi về thấy có thanh niên thường gọi là Tú H đang ngồi tại quán cùng với ông M1 - Công an xã Đ. Sau đó anh Đ vào nhà tắm rửa nghỉ ngơi. Khoảng 20h30 cùng ngày nghe tiếng ồn ào, lớn tiếng ở trước nhà. Khi đó, anh Đ thấy xe ô tô đậu trước nhà đối diện nhà anh Đ là nhà cha mẹ vợ của Tú H. Anh Đ không biết tên chủ nhà đó, xe ô tô đã bị vỡ kính và bị ra sát mép đường, sau đó thấy công an đến, Tú H bỏ đi. Việc đập xe anh Đ không trực tiếp chứng kiến, khi đến trước nhà thì đã thấy xe ô tô 78A-016.40 đã bị đập vỡ kính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, VKSND huyện Sông Hinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, tuân thủ đầy đủ theo quy định của thủ tục tố tụng về thu thập tài liệu, chứng cứ của BLTTHS. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vụ án này, trước đây đã thụ lý số 25/2023/HS-ST, ngày 13-10-2023 đã đưa ra xét xử hai lần (lần 1: xử 14h, 14-12-2023; ngày 27-12-2023 VKSND huyện Sông Hình có văn bản Rút bản cáo trạng đã truy tố; lần 2: xử 7h30, ngày 29-12-2023 đã ban hành Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung).

* Người bị hại (chị N), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh N1, anh A) và những người làm chứng (chị L, ông T3, bà N2, chị H1, anh Đ) đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng việc vắng mặt đều được tổng đạt hợp lệ và bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng (trừ bà N2) đều đã có đơn đề nghị xử vắng mặt. Xét không ảnh hưởng gì về thủ tục tố tụng, nên quyết định tiếp tục xét xử.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Bị cáo cho rằng việc đập phá xe ô tô 78A-016.40 của chị N anh N1 là do S và T4 là bạn tù của bị cáo gây ra, vì tình nghĩa nên bị cáo bồi thường thay, nhưng không cung cấp chứng cứ để chứng minh rõ họ tên, địa chỉ cụ thể của S và T4 cùng thực hiện hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX cho mở niêm phong dữ liệu camera được thu giữ để làm chứng cứ buộc tội, được HĐXX chấp nhận. Sau khi xem đoạn camera thì bị cáo chỉ thừa nhận hành vi phạm tội là có la, chửi to tiếng với gia đình phía vợ chứ không trực tiếp đập vỡ kính xe ô tô, việc bồi thường thiệt hại cho chị N 8.700.000^d (tám triệu bảy trăm nghìn đồng) là do thương bạn tù. Căn cứ theo bản ảnh, nội dung đoạn camera ghi lại diễn biến sự việc phạm tội tại hiện trường, hình ảnh, tài liệu trình chiếu tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Do có mâu thuẫn với gia đình chị N anh N1 trong việc tiền nợ trước đó. Khoảng 20h30 ngày 30-4-2023, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 49A-494.70 chở con đến nhà bà N2 tại thôn T, xã Đ, huyện S để gởi con nhờ chăm sóc thì gặp chị N. Tại đây, T yêu cầu chị N trả nợ nhưng chị N trả lời nợ đã trả xong từ năm 2020, T gọi điện thoại cho anh A thuê xe cầu đến nhà bà N2, mục đích để cầu xe ô tô biển số 78A-016.40 của chị N để xiết nợ, trong lúc chờ xe cầu, T dùng một đoạn cây gỗ vuông kích thước (02 x 02) cm, dài 78cm, đập phá làm vỡ hoàn toàn 04 kính chắn gió cánh cửa xe, 02 dè che mưa phía trên kính cửa trước bên phải và kính cửa sau bên trái, 01 kính chắn gió phía sau xe ô tô biển số 78A-016.40, anh A biết được chiếc xe trên có mâu thuẫn nên điều khiển xe cầu bỏ đi, không cầu.

Việc chứng minh tội phạm, Cơ quan điều tra đã thu, trích xuất 02 đoạn video camera từ hai nhà ở (nhà anh Đoàn Văn H2 tại thôn T, xã Đ dài 05 giờ (từ 16h đến 21h) ngày 30-4-2023; nhà anh Nông Văn T5 tại thôn T, xã Đ dài 11 phút

44 giây (từ 20h35 đến 20h46 phút 44 giây) ngày 30-4-2023, nhà anh T5 giáp nhà ông T3 bà N2.

Định lượng tài sản bị hư hỏng là 6.090.000^d (sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Đối với việc yêu cầu định giá lại tài sản thiệt hại, theo hồ sơ và tại phiên tòa anh K đại diện Hội đồng định giá tài sản, khẳng định việc quyết định tài sản thiệt hại là 6.090.000^d, thể hiện tại BL 71 đến 75 là đúng. Vì vậy, việc yêu cầu định giá lại tài sản thiệt hại của bị cáo là không có căn cứ. Việc này, Cơ quan cảnh sát điều tra đã có thông báo (thể hiện tại bút lục 130), Viện kiểm sát cũng đã có thông báo không chấp nhận định giá lại tài sản (thể hiện tại bút lục 238).

Bị cáo có 01 tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” bị Công an xã Đ xử phạt vi phạm hành chính 750.000^d (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Đến ngày 24-10-2023 (tức sau khi thực hiện hành vi đập phá tài sản vào ngày 30-4-2023) đã nộp đủ.

Về nhân thân, bị cáo đã bị UBND tỉnh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 02 (hai) năm về hành vi “Gây rối trật tự công cộng và Cố ý gây thương tích”; bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính 07 lần trong đó về hành vi “Cố ý gây thương tích”; 05 lần về hành vi “Cản trở hoạt động của Công ty T6”; 01 lần về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Bị TAND tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm 02 lần (01 lần xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 01 lần xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”).

Lần này tiếp tục có hành vi đập phá xe ô tô 78A-016.40 của chị N đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 BLHS, chứng tỏ bị cáo không chịu sửa chữa lỗi lầm. Bản Cáo trạng của VKSND huyện Sông Hinh đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Chỉ vì động cơ thích gây sự để trả thù nhà vợ, trong khi giấy xác nhận của bị cáo thừa nhận chị N anh N1 đã trả nợ 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) (thể hiện tại bút lục 151), gây áp lực cho vợ, cha mẹ, anh em nhà vợ khi việc ly hôn chưa giải quyết xong, cố ý đập phá tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không;

Tình tiết giảm nhẹ: Có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại (khi vụ án chưa khởi tố vụ án, chưa khởi tố bị can, đã bồi thường 8.700.000^d (tám triệu bảy trăm nghìn đồng), trong khi thiệt hại định lượng chỉ có 6.090.000^d, bị hại đã có đơn xin bãi nại và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của bị cáo, gây tâm lý hoang mang trong việc quản lý tài sản của công dân nên cần phải xử lý nghiêm. HĐXX chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian với hình phạt tương xứng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị cáo có yêu cầu trả lại số tiền đã bồi thường còn thừa so với kết quả định giá tài sản nên cần chấp nhận, buộc bị hại phải trả lại số tiền bồi thường còn thừa cho bị cáo:

Số tiền 8.700.000^d (tám triệu bảy trăm nghìn đồng) trừ số tiền đã bồi thường do cố ý làm hư hỏng 6.090.000^d (sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) thì bị hại phải trả lại cho bị cáo 2.610.000^d (hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng) do nhận nhiều hơn số tiền bị cáo có nghĩa vụ bồi thường.

[6] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) và Điều 47 BLHS: Tuyên tiêu hủy: 01 (một) khúc gỗ kích thước (02 x 02) cm, dài 78 cm, một đầu gãy nham nhở dài 49,6 cm, vì là công cụ phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc T (T)** phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 178, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T (T) 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính ngày bị cáo đi thi hành án.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 585 và 589 BLDS; khoản 1 Điều 48 BLHS: Bị hại chị Nguyễn Thị Trà N phải trả lại cho bị cáo 2.610.000^d (hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng) tiền bồi thường thiệt hại tài sản còn thừa.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 BLTTHS và khoản 1 Điều 47 BLHS:

Tuyên tiêu hủy: 01 (một) khúc gỗ kích thước (02 x 02) cm, dài 78 cm, một đầu gãy nham nhở dài 49,6 cm (đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hình lập ngày 13-10-2023).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T (T) phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Công an, VKSND H.Sông Hinh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS h. Sông Hinh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Châu Kha